

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**

**HUYỆN THỚI LAI**

**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 158/2021/ DS –ST

Ngày: 17 - 12 - 2021

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Tuyên.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lý Hồng Hạnh**

2. Ông **Nguyễn Quốc Hùng**

*- Thư ký Tòa án – Ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Hưng*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa:*

**Ông Nguyễn Công Khánh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 và ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 226/2016/TLST- DS ngày 29 tháng 12 năm 2016 về: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 532/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: ấp Trường H, xã Trường T, huyện T, thành phố C. (Có mặt)

**- Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1966. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Trường H, xã Trường T, huyện T, thành phố C.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà **Trịnh Thị E**. (Vắng mặt )

2/ Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1967. (Xin vắng mặt)

3/ Bà **Nguyễn Thị T** (Nguyễn Thị Kim Son) (Vắng mặt)

4/ Ông **Nguyễn Văn D** (**Nguyễn Thanh D**). (Vắng mặt)

5/ Ông **Nguyễn Chí T** (Nguyễn Văn T), sinh năm 1979. (Vắng mặt)

6/ Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1936. (Vắng mặt)

7/ Bà **Nguyễn Thị S** (Vắng mặt).

Địa chỉ: Cùng trú tại ấp Trường H, xã Trường T, huyện T, thành phố C.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:** Luật sư **Phạm Hồng Thái**- Văn phòng luật sư **Phạm Hồng Thái**, thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà **Nguyễn Thị N** là nguyên đơn trong vụ án. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Bà Nguyễn Thị N yêu cầu ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả lại diện tích đang tranh chấp 193,5 m<sup>2</sup> thuộc một phần thửa 780, tờ bản đồ số 07, đất CLN, tọa lạc tại ấp Trường Hòa, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị N (nguyên đơn) trình bày:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Bà được ông nội chồng tên Nguyễn Văn X và bà nội chồng tên Nguyễn Hồng C tặng cho diện tích 800 m<sup>2</sup> đất vườn tại thửa 780, bà sử dụng cho đến năm 2008 thì được Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do tranh chấp: Trong quá trình sử dụng ông Nguyễn Văn H có lấn ranh trồng cây nhưng bà nghĩ đất của bà đã có chứng khoán nên trồng thì cứ trồng không sao. Đến năm 2016 bà phát sinh tranh chấp với ông Nguyễn Văn H. Nay bà xác định yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả lại phần diện tích 193,5 m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Trường Hòa, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai theo mảnh trích đo địa chính số 599 ngày 17/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Lai. Đối với phần đất ông T đang sử dụng 239,5 m<sup>2</sup> và phần ranh sử dụng chưa ổn định giữa bà và ông T 27,7 m<sup>2</sup> thể hiện trong mảnh trích đo địa chính số 599 thì bà xác định không có tranh chấp với ông Nguyễn Văn T (Nguyễn Chí T). Bà xác định chỉ tranh chấp đòi ông Nguyễn Văn H trả lại diện tích 193,5m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 642,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa 780 của bà mà không yêu cầu đo đạc lại.

Ông Nguyễn Văn H (bị đơn) có lời khai: Phần đất đang tranh chấp 193,5m<sup>2</sup> theo mảnh trích đo địa chính số 599/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thới Lai là thuộc thửa 346 của ông sử dụng, do hộ em ruột ông là Nguyễn Văn H đứng tên theo giấy chứng nhận số vào sổ CH01565 do Ủy ban nhân dân huyện Thới Lai cấp ngày 02/6/2014. Phần đất đang tranh chấp 193,5 m<sup>2</sup> là của bà nội ông tên Huỳnh Thị B bán cho ông vào năm 2002 (có làm giấy tay) nhưng đứng tên Nguyễn Văn H (H là em ruột của ông), do ông H ở chung với bà Bảy nên làm giấy tờ đất đứng tên ông H, ông H bán hết thửa 346 cho ông và đưa quyền sử dụng đất cho bên ông giữ. Theo ông phần diện tích đất đang tranh chấp 193,5 m<sup>2</sup> theo mảnh trích đo địa chính số 599/2018 của Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thới Lai là thuộc thửa 346 của ông. Ông nhận chuyển nhượng phần đất thửa 346, tờ bản đồ số 7 diện tích 804,9 m<sup>2</sup> trong đó có 140 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn, 664,9 m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, chuyển nhượng năm 2002, khi chuyển nhượng có làm giấy tay. Phần diện tích này là của bà nội ông là bà Huỳnh Thị Bảy cho ông và ông trực tiếp sử dụng, ông H tự ý đi làm giấy chứng nhận tại thửa 346 thì ông không biết, sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho ông giữ, ông H và gia đình đi làm ăn xa cho đến nay. Ông xác định không có tranh chấp hợp đồng chuyển

nhượng quyền sử dụng đất với ông H mà anh em của ông tự thỏa thuận. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác. Hộ của ông H gồm ông H, vợ là bà Sáu, con gái Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn D. Trước khi chuyển nhượng cho ông tại thửa 346 thì ông H đã chuyển nhượng cho ông Đặng Hữu P diện tích 217 m<sup>2</sup> vào ngày 28/7/2008 thành thửa 909, còn lại diện tích 923 m<sup>2</sup> và chuyển nhượng cho bà Trần Thị Cẩm Đ diện tích 118,1 m<sup>2</sup> thành thửa 966 và còn lại diện tích 804,9 m<sup>2</sup>. Ông không biết phần diện tích thực tế còn lại của thửa 346 là bao nhiêu. Ông xác định phần diện tích đang tranh chấp 193,5 m<sup>2</sup> theo mảnh trích đo địa chính số 599 là thuộc thửa 346 và ông yêu cầu phân tố để yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả lại cho ông được hưởng.

Bà Trịnh Thị Ёn (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) có lời khai: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn H, bà thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông H. Bà xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Ông Nguyễn Văn B (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) có lời khai: Ông là cha ruột của ông T và ông H, ông có nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Nguyễn Hồng C (mẹ chồng của bà N) một phần đất thuộc thửa 780 nay là phần đất diện tích 239,5 m<sup>2</sup> ông Nguyễn Chí T đang sử dụng. Việc chuyển nhượng này trước năm 1975 với giá 13 gạ lúa, đã giao lúa đầy đủ, việc chuyển nhượng có lập giấy tay nhưng nay đã thất lạc nên không thể cung cấp cho Tòa và không có ai chứng kiến, phần đất trên có trồng dừa, do ông trồng thuộc quyền sở hữu của ông, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Ông thống nhất ý kiến của ông T là không có yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất này mà sẽ tự thỏa thuận với bà Nguyễn Thị N. Nếu sau này có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác. Phần đất diện tích 239,5 m<sup>2</sup> này ông cho ông T sử dụng thực tế nhưng nay ông còn minh mẫn ông tự quyết định, sau này ông chết mới để lại cho ông T. Riêng phần đất có diện tích 27,7 m<sup>2</sup> thì ông không có ý kiến gì. Theo ông biết là do ông T đổi đất với ông H, giữa ông T và ông H sẽ tự giải quyết.

Ông Nguyễn Chí T (Nguyễn Văn T) có lời khai: Phần đất diện tích 239,5 m<sup>2</sup> là thuộc thửa 780, tờ bản đồ số 07 mà hiện nay bà Nguyễn Thị N đang đứng tên quyền sử dụng. Phần đất này có nguồn gốc của cha ông tên Nguyễn Văn B mua của mẹ chồng bà N (bà Nguyễn Hồng C) và cho ông sử dụng cho đến nay nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do không đủ diện tích tách thửa, còn phần diện tích 27,7 m<sup>2</sup> thời điểm đo đạc chưa thống nhất được ranh giữa ông với bà N nhưng hiện nay đã thỏa thuận thống nhất ranh và cắm cọc cây; Phần đất diện tích 27,7 m<sup>2</sup> này thuộc thửa 780, tờ bản đồ số 07 do ông thỏa thuận đổi đất với thửa 346 của ông H, phần đất này đến nay ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng giữa cha của ông và bà C có làm giấy tay nhưng đã thất lạc. Ông xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án đối với phần diện tích 239,5 m<sup>2</sup> và 27,7 m<sup>2</sup> thuộc thửa 780 nêu trên mà ông sẽ tự thỏa thuận giải quyết với bà N.

Ông Nguyễn Văn H (người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan) có lời khai: Nguồn gốc thửa đất 346, tờ bản đồ số 07, diện tích 923 m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn+ Đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Trường Hòa, xã Trường Thành, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nay là ấp Trường Hòa, xã Trường Thắng,

huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ. Được Ủy ban nhân dân huyện Cờ Đỏ (cũ) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/5/2008 là của ông Nguyễn Văn T là ông ngoại ông lúc còn sống tặng cho năm 1991 do ông ở chung với ông bà ngoại từ nhỏ; Hộ của ông năm 2014 gồm vợ ông là Nguyễn Thị S, con Nguyễn Thị Kim S (Nguyễn Thị T), sinh năm 2000, Nguyễn Thanh D (Nguyễn Văn D), sinh năm 2003. Hiện tại hộ khẩu thường trú của thành viên trong hộ của ông vẫn ở Trường Hòa, Trường Thắng, Thới Lai nhưng đi làm ở Đồng Nai và có về tới lui ở địa phương. Phần đất tại thửa 346 tờ bản đồ số 07 thì ông H đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H nhưng chưa làm giấy tờ sang tên. Ông xác định là có chuyển nhượng cho anh ông Nguyễn Văn H một phần thửa 346 phần đuôi của thửa diện tích 344 m<sup>2</sup> có làm giấy tay, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông H thì ông không đồng ý, xác định không có yêu cầu độc lập trong vụ án. Ông yêu cầu được sử dụng theo đúng hiện trạng, diện tích đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Đối với vấn đề chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H, xác định không có tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H mà anh em tự thỏa thuận với nhau. Trường hợp có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác. Do hoàn cảnh gia đình của ông bận công việc làm ăn nên xin vắng mặt tại các buổi làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử cho đến khi kết thúc vụ án. Đồng thời ông cũng xin vắng mặt cho vợ và các con ông cho đến khi xét xử kết thúc vụ án. Trường hợp có gửi văn bản hay giấy mời, giấy triệu tập thì ông yêu cầu Tòa án gửi cho ông Nguyễn Văn H hoặc bà Trịnh Thị E nhận thay cho ông. Ông cam đoan lời khai của ông là sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

Đối với ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Thanh D), Nguyễn Thị Trinh (Nguyễn Thị Kim S), bà Nguyễn Thị S không có mặt theo thông báo và triệu tập của Tòa án nên không có lời khai.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình là vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Cần bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Phía bị đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai tại phiên tòa nên đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn; Cần giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp, khi nào ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Văn H có yêu cầu khởi kiện thì giải quyết theo quy định ( Có bài phát biểu kèm theo).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn H là bị đơn, bà Trịnh Thị E, bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Kim S), ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Thanh D), ông Nguyễn Chí T (Nguyễn Văn T), bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Văn B là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai; Ông Nguyễn Văn H là

người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án xin xét xử vắng mặt. Tòa án căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2] Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm bà N thừa nhận phần đất tranh chấp là ông H đã sử dụng gần 30 năm, cây trồng trên đất là do ông H trồng và sử dụng, thửa 346 là đứng tên ông Nguyễn Văn H. Bà cho rằng đất của bà thiếu nhiều so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do trước kia mẹ chồng của bà là bà Nguyễn Hồng Cúc có chuyển nhượng một phần diện tích đất ruộng cho ông Nguyễn Văn T không rõ diện tích bao nhiêu có dính vào phần đất thửa 780 nhưng bà và ông T không có tranh chấp với nhau, khi được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 780 cũng không có đo đạc và mời tứ cận ra chứng kiến, ký tên giáp ranh. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 04 tháng 9 năm 1997 hộ bà Nguyễn Thị N được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm thửa 758 diện tích 6.893m<sup>2</sup> và thửa 780 diện tích 800 m<sup>2</sup> trong đó có 300 m<sup>2</sup> đất thổ cư, trong phần ghi thêm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi: “Thửa kế của chồng Nguyễn Văn Quang”. Ngày 27/02/2002 bà N có làm giấy tay chuyển nhượng cho cháu là Nguyễn Văn H số ruộng 10 tầm vuông với giá 5,5 chỉ vàng 24k. Ngày 29/5/2008 bà N được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới số AL 496470 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01396 ghi thửa 780 tờ bản số 7 diện tích 800m<sup>2</sup> trong đó có 300 m<sup>2</sup> đất ở nông thôn. Bà N cho rằng phần đất 193,5 m<sup>2</sup> của bà đang tranh chấp với ông H thì ông H đã sử dụng trồng dừa cách nay khoảng khoảng 30 năm, bà có phản đối việc này nhưng không có biên bản hòa giải của chính quyền địa phương về việc có tranh chấp này. Bà thừa nhận đất thửa kế từ chồng bà nhưng hồ sơ xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì không có phần thủ tục thửa kế này, không có ý kiến của các con bà về việc bà được toàn quyền thửa kế phần đất thuộc thửa 780, không có thủ tục ký giáp ranh tứ cận. Điều này thể hiện việc thửa kế phần đất thửa 780 từ chồng bà qua bà đứng tên quyền sử dụng đất là chưa đảm bảo thủ tục về thửa kế. Hiện ông Nguyễn Văn H là người đứng tên quyền sử dụng đất tại thửa 346 và có tranh chấp với bà N. Phía ông H thì cho rằng phần đất này thuộc thửa 346, bà N thì cho rằng thuộc thửa 780. Tuy nhiên, việc đo đạc thẩm định và quyết định tại thửa 346 là của ông Nguyễn Văn H. Việc ông H cho rằng đã chuyển nhượng phần thửa đất 346 từ ông Nguyễn Văn H chỉ làm giấy tay chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, xác nhận. Từ những căn cứ trên, việc bà Nguyễn Thị N cho rằng ông Nguyễn Văn H lấn đất bà trong khi đất tại thửa 780 của bà khi được cấp giấy chứng nhận không có đo đạc thực tế và chưa đảm bảo thủ tục về thửa kế quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

[3] Đối với ông Nguyễn Văn H có yêu cầu phản tố nhưng vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai không lý do. Cần đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H là đúng thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Việc ông H cho rằng đã nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn H tại thửa 346 chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định thì được sử dụng thực tế đến khi ông Nguyễn Văn H làm thủ tục chuyển nhượng sang tên phần đất tại thửa 346 cho ông. Trường hợp giữa ông H và bà N có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Cần dành cho bà Nguyễn Thị N một vụ kiện dân sự khác đối với ông Nguyễn Văn H.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Cần miễn án phí cho bà Nguyễn Thị N do bà N là người cao tuổi. Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Văn H đã nộp.

[5] Về chi phí đo đạc, thẩm định, định giá: Cần buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H chịu nộp theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng :** Điều 164, 166 và Điều 169 của Bộ Luật Dân sự;

Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Điều 26, 91,92, 217, 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

### **Tuyên xử:**

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả lại diện tích tranh chấp 193,5 m<sup>2</sup> loại đất CLN, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc tại ấp Trường Hòa, xã Trường Thắng, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H.

Ông Nguyễn Văn H được sử dụng thực tế phần đất tại thửa 346 và hiện trạng tranh chấp đến khi ông Nguyễn Văn H làm thủ tục chuyển nhượng sang tên phần đất cho ông Nguyễn Văn H. Trường hợp giữa ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Vị trí thửa đất được xác định theo mảnh trích đo địa chính số: 599/2018 ngày 17/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ (Đính kèm bản án).

Dành cho bà Nguyễn Thị N một vụ kiện dân sự khác đối với ông Nguyễn Văn H.

### **Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Miễn án phí cho bà Nguyễn Thị N. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 000735 ngày 26 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng án phí 609.000 đồng mà ông Nguyễn Văn H đã nộp theo biên lai thu tiền số 003602 ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai.

**Về chi phí đo đạc thẩm định, định giá:** Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H mỗi người có trách nhiệm chịu 1.900.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng, ông Nguyễn Văn H đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng và đã chi thực tế 3.800.000 đồng. Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn H

mỗi người được nhận 1.100.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng còn dư tại Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại ủy ban nhân dân địa phương đối với đương sự vắng mặt để Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ để xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

**Nơi nhận :**

- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND huyện Thới Lai;
- Chi cục T.H.A DS huyện Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hs, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hoài Tuyên**